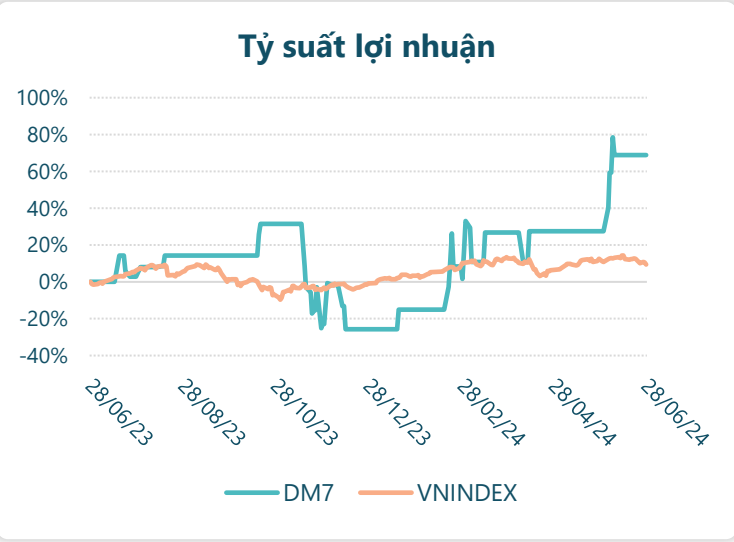


Ngày	26,500 VNĐ		
28/06/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	20.5%	33.1%	127.4%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	11,655 - 28,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	408
Số lượng CPLH (CP)	15,411,100
KLGD BQ 20 phiên (CP)	70
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.70
EPS	3,111
P/E	8.5



Doanh thu thuần

Q2/24

73.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▼70.8 | -49.2%

YoY: ▼36.8 | -33.5%

Nợ/VCSH

Q2/24

60.7%

YoY: +/-▲ 31.3%

LN gộp

Q2/24

14.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▼12.1 | -45.9%

YoY: ▼0.20 | -1.1%

ROE (TTM)

Q2/24

18.4%

YoY: +/-▲ 0.2%

LN trước thuế

Q2/24

7.85

tỷ VNĐ

QoQ: ▼6.85 | -46.6%

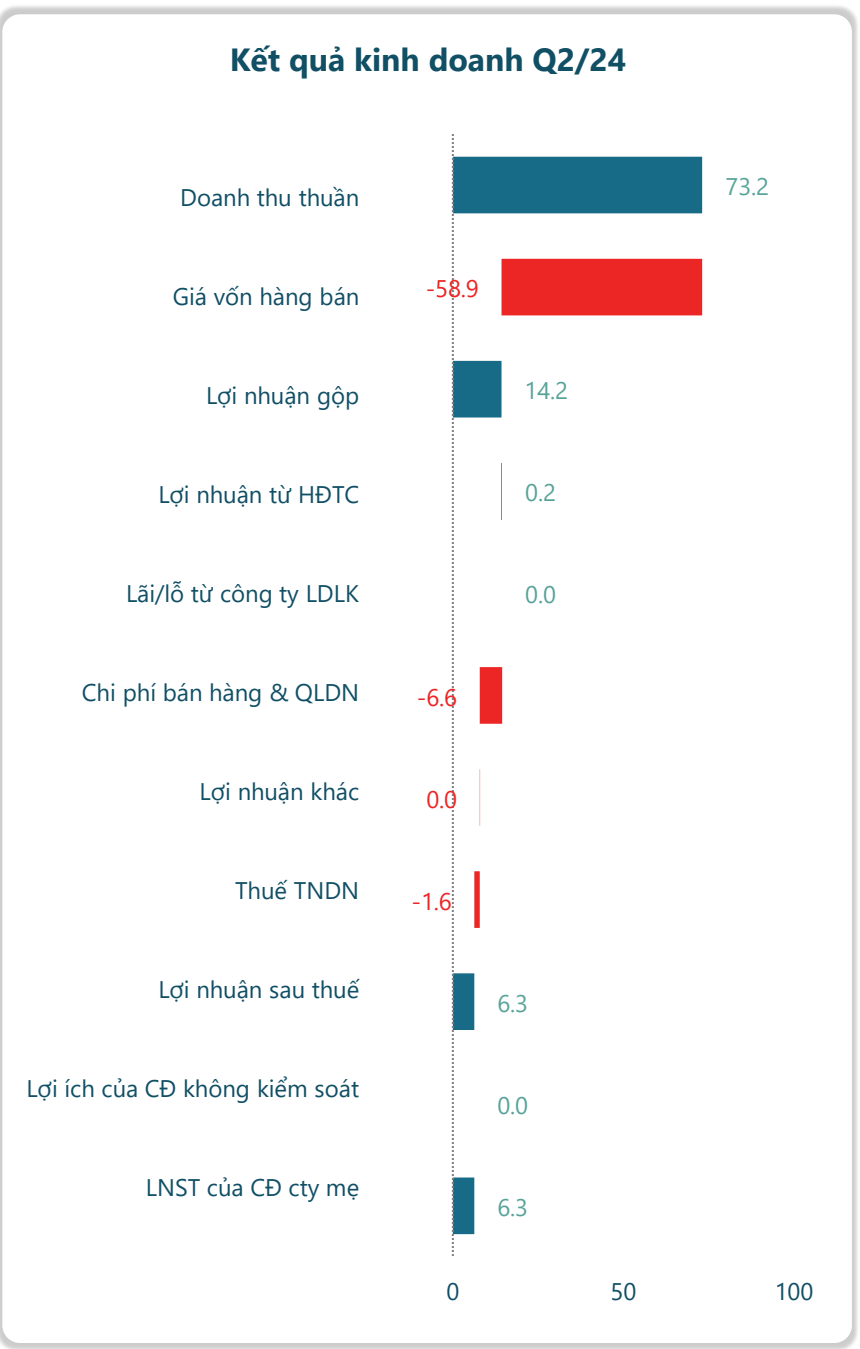
YoY: ▼2.55 | -24.5%

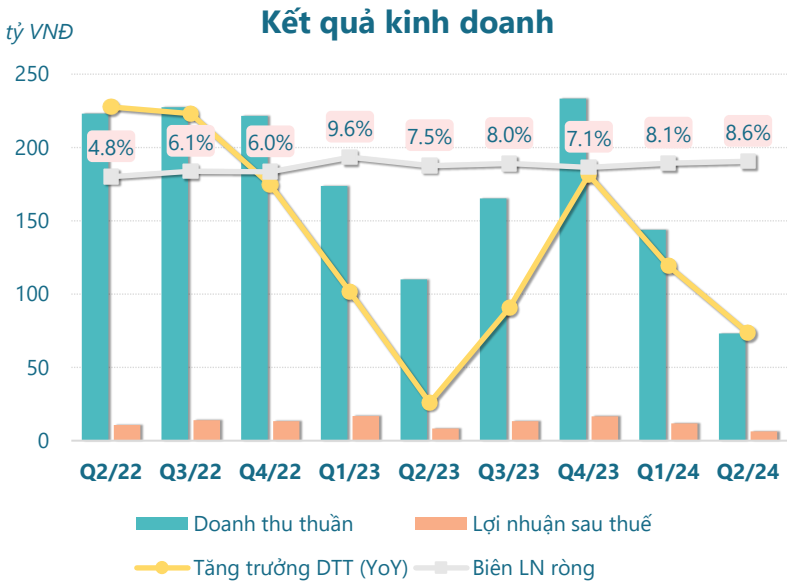
ROA (TTM)

Q2/24

11.3%

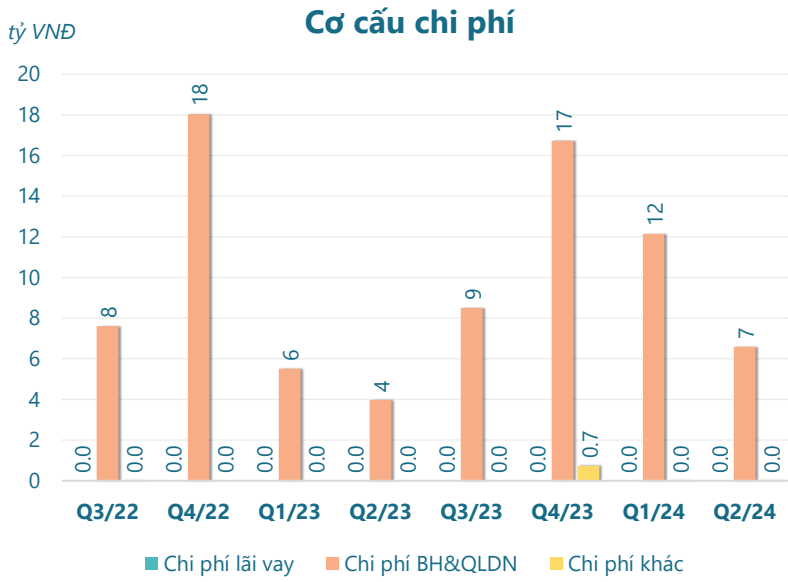
YoY: +/-▼ 3.1%





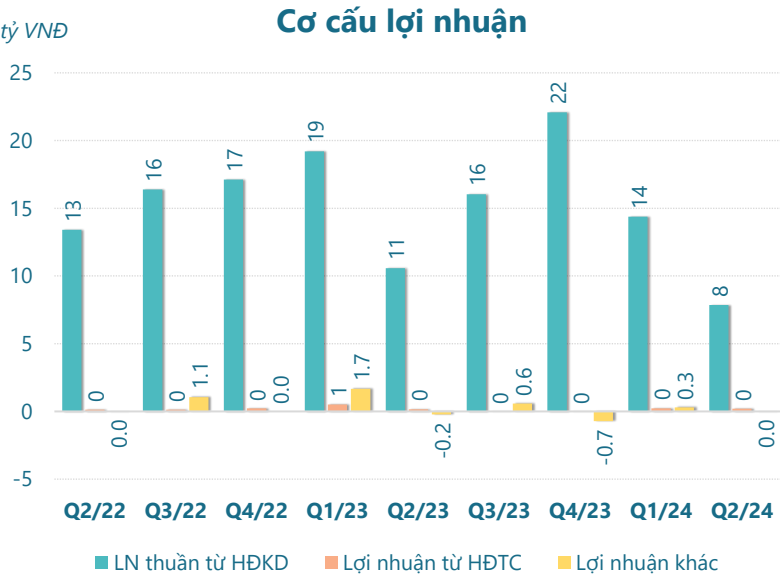
Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 7.85 tỷ đồng**, giảm đi 45.4% so với kỳ trước và thấp hơn 25.8% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lãi 0.21 tỷ đồng**, giảm đi 12.5% so với kỳ trước và cao hơn 23.5% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **bằng 0** giảm đi 100.0% so với kỳ trước và tăng thêm 0.23 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **DM7** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **73.17 tỷ đồng** giảm đi **33.5%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 6.28 tỷ đồng, giảm sút 24.2%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **217.0 tỷ đồng** thấp hơn 23.6% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 18.00 tỷ đồng** thấp hơn 28.0% so với cùng kỳ năm trước.



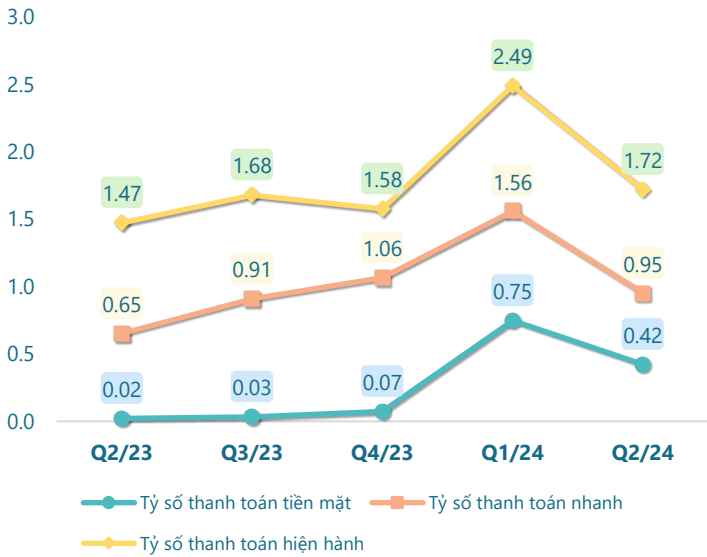
Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **0.00 tỷ đồng** không đổi so với kỳ trước và bằng so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **6.59 tỷ đồng** giảm đi 45.8% so với kỳ trước và cao hơn 66.0% so với cùng kỳ năm trước.

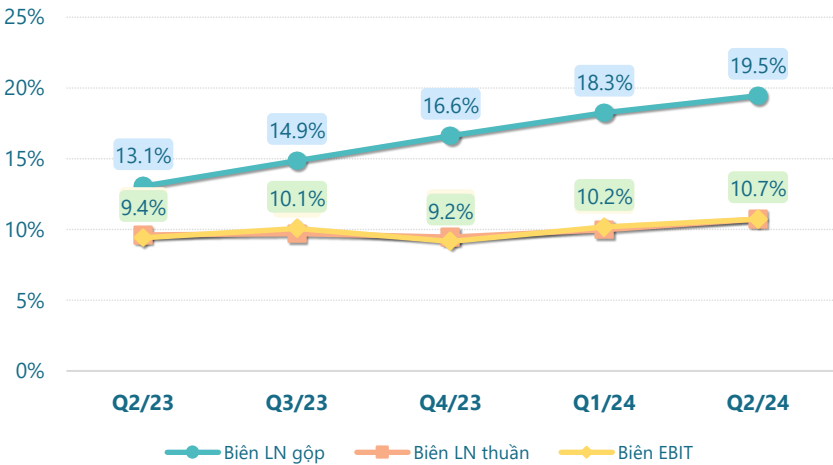
Chi phí khác bằng **0.00 tỷ đồng** không đổi so với kỳ trước và bằng so với cùng kỳ năm trước.

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	73.2	144	-49.2%	110	-33.5%	217	284	-23.5%
Giá vốn hàng bán	58.9	118	-50.1%	95.7	-38.4%	177	245	-28.0%
Lợi nhuận gộp	14.2	26.3	-45.9%	14.4	-1.1%	40.5	38.6	5.0%
Doanh thu HĐTC	0.21	0.24	-13.0%	0.17	22.9%	0.45	0.68	-34.7%
Chi phí TC	0	0.00		0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.21	2.12	-90.0%	1.08	-80.4%	2.34	-3.84	161%
Chi phí QLDN	6.38	10.0	-36.2%	2.89	121%	16.4	13.3	23.2%
LN thuần từ HĐKD	7.85	14.4	-45.5%	10.6	-25.9%	22.2	29.8	-25.4%
Lợi nhuận khác	0.00	0.29	-100%	-0.23	100.0%	0.29	1.43	-79.9%
LN trước thuế	7.85	14.7	-46.6%	10.4	-24.5%	22.5	31.2	-27.9%
Lợi nhuận sau thuế	6.28	11.7	-46.3%	8.28	-24.1%	18.0	25.0	-27.9%
LNST của CĐ cty mẹ	6.28	11.7	-46.3%	8.28	-24.1%	18.0	25.0	-27.9%

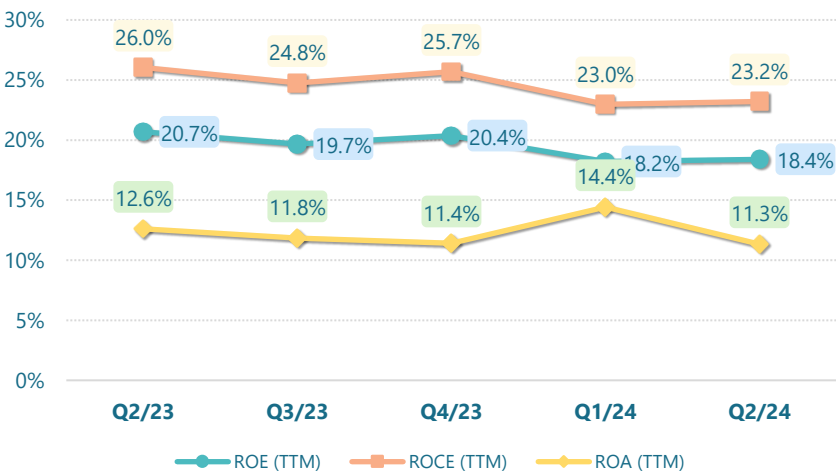
Chỉ số thanh khoản



Biên lợi nhuận



Tỷ suất sinh lợi



Vòng quay tài sản

